

Bản tin Phân tích kỹ thuật

14/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GA000 đóng cửa dưới đường MA20, cho thấy đà giảm vẫn chiếm ưu thế đến cuối ngày. Dự báo hợp đồng sẽ kiểm định lại vùng giá thấp 1.850-1.853 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh ngưỡng 1.858 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.860 điểm.
- 4111GA000 sẽ đáo hạn trong phiên 15/10.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.858 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.850 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.860 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực



Nguồn: Vietcap

- VN-Index điều chỉnh dưới vùng hỗ trợ 1.715 điểm với độ rộng thị trường tiêu cực, ghi nhận 128 mã tăng so với 163 mã giảm. Tuy nhiên, thanh khoản duy trì quanh mặt bằng thấp cho thấy áp lực bán không gia tăng so với phiên 13/10. Ở chiều ngược lại, lực cầu cải thiện rõ hơn tại nhóm Chứng khoán, Vật liệu và duy trì tương đối ổn định tại một số cổ phiếu Ngân hàng.
- Về mặt kỹ thuật, việc VN-Index vi phạm hỗ trợ 1.715 điểm khiến xu hướng ngắn hạn nghiêng về kịch bản kiểm định vùng giá thấp quanh 1.650 điểm. Trong đó, ngưỡng 1.700 điểm mang tính tâm lý và có thể tạo điều kiện cho các nhịp hồi kỹ thuật. Kháng cự gần hiện nằm tại vùng 1.715 điểm.
- Đánh giá vi mô thị trường, diễn biến phiên 14/10 cho thấy điểm số chịu tác động đáng kể từ VIC, VHM và VPL, trong khi phần còn lại của thị trường có sự cải thiện về lực mua và áp lực bán tiếp tục hạ nhiệt. Do đó, dù VN-Index vẫn có thể chịu áp lực giảm về điểm số, dòng tiền đang bắt đầu phân hóa tích cực hơn. Với trạng thái hiện tại, khả năng xuất hiện các phiên giảm mạnh đồng loạt kèm áp lực bán cao được đánh giá ở mức thấp.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



Nguồn: Vietcap

SHB

- SHB vẫn trong xu hướng giảm, tuy nhiên diễn biến các phiên gần đây đang củng cố tín hiệu hồi phục ngắn hạn. Trong phiên 13/10, cổ phiếu điều chỉnh trên thanh khoản thấp, cho thấy áp lực bán đang có dấu hiệu tiết chế.
- Lưu ý, SHB vẫn đang trong xu hướng giảm nên tỷ trọng cần được giới hạn ở mức thấp và mang tính thăm dò.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
10.100-10.300	11.300	9.800



Nguồn: Vietcap

CSV

- CSV tăng mạnh về giá kèm thanh khoản cải thiện trong phiên 14/10, cho thấy lực mua gia tăng rõ rệt. Tín hiệu này củng cố khả năng cổ phiếu tiếp tục hồi phục, với mục tiêu gần là vùng 25.000.
- Điều kiện hiện tại phù hợp để mở vị thế ngắn hạn trên CSV và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 22.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
22.800-23.400	25.000	22.000

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



Nguồn: Vietcap

LAS

- LAS bắt đầu ghi nhận lực mua cải thiện, thể hiện qua diễn biến tăng đồng thời của giá và thanh khoản. Dự báo nhịp hồi phục có thể tiếp diễn với mục tiêu gần là 13.500.
- Lưu ý, LAS vẫn đang trong xu hướng giảm nên tỷ trọng cần được giới hạn ở mức thấp.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
11.600-12.000	13.500	11.000



Nguồn: Vietcap

ANV

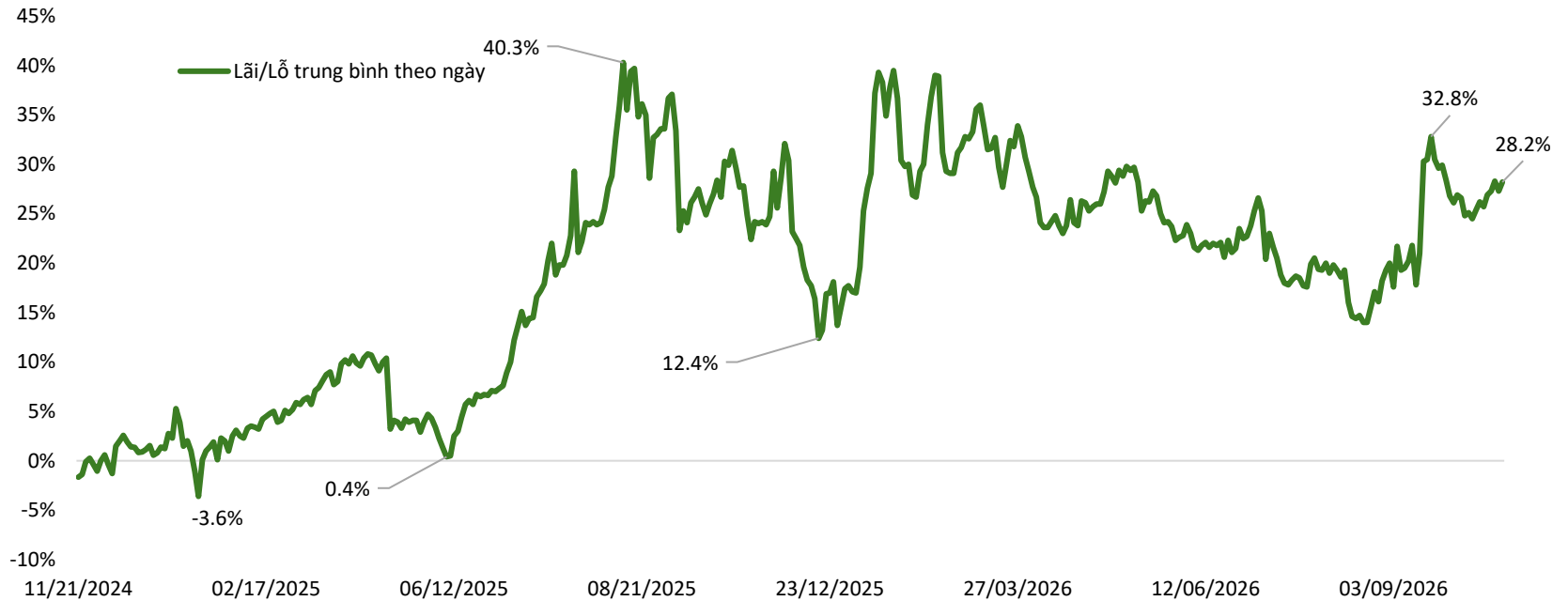
- ANV vận động trên đường MA20, xác nhận trạng thái tăng giá ngắn hạn. Sau các phiên điều chỉnh, cổ phiếu bắt đầu tăng trở lại trong phiên 14/10, đi kèm lực mua cải thiện.
- Dự báo cổ phiếu sẽ tiếp tục hồi phục với mục tiêu gần là vùng 21.400.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
18.450-18.800	21.400	17.500

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
DGW	15/09/2026		Đang mở	45,500	45,400	0.2%	44,500	56,000	45,400	
VPB	08/10/2026		Đang mở	24,350	23,100	5.4%	22,500	26,400	23,800	
HDB	08/10/2026		Đang mở	23,200	21,540	7.7%	20,800	23,600	22,000	
MSB	08/10/2026		Đang mở	14,650	14,500	1.0%	14,000	15,900		
HPG	08/10/2026		Đang mở	20,800	20,200	3.0%	19,600	21,500	20,300	
NLG	13/10/2026		Đang mở	21,200	21,700	-2.3%	21,300	23,700	20,500	
CTD	13/10/2026		Đang mở	63,600	62,000	2.6%	60,000	68,000		
VCG	13/10/2026		Đang mở	14,200	13,900	2.2%	13,000	15,500	13,900	
NTP	13/10/2026		Đang mở	52,900	53,500	-1.1%	51,800	58,000		

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	218,400	-1.62%	-5.04%	1,695,262	-6.581	2,752	9.9	79.4	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VHM	61,000	-5.28%	-10.29%	501,104	-6.333	9,730	1.9	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	31,400	-2.94%	-7.65%	125,600	-0.883	1,751	2.1	17.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	38,100	-3.05%	-9.29%	113,815	-0.832	3,780	2.6	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,350	1.57%	1.31%	194,830	0.734	3,230	1.2	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	20,800	1.71%	2.21%	175,614	0.719	2,750	1.3	7.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEE	65,300	-6.04%	-5.09%	41,825	-0.605	5,569	5.2	11.7	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
SSB	15,650	-4.28%	-9.01%	54,287	-0.556	869	1.3	18.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BID	33,100	-0.75%	-4.06%	257,459	-0.462	4,250	1.3	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	73,500	-1.74%	-4.42%	108,464	-0.451	6,660	3.0	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
STB	64,600	-1.52%	-3.29%	121,785	-0.444	1,634	1.9	39.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	57,100	1.42%	-4.36%	107,675	0.366	5,324	2.7	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	10,750	-3.59%	4.37%	34,430	-0.296	1,823	0.6	5.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
CTG	29,550	0.51%	-0.67%	229,513	0.280	5,172	1.2	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	76,000	1.88%	0.66%	56,417	0.253	4,472	2.2	17.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	14,000	-6.04%	-11.95%	40,945	-3.446	133	1.7	105.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	113,500	5.29%	28.68%	43,697	3.219	395	8.6	287.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	14,800	2.07%	-1.99%	14,814	0.427	1,828	1.2	8.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	12,000	2.56%	-0.82%	10,794	0.386	1,119	0.9	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	33,700	-1.75%	-5.34%	14,068	-0.343	5,201	2.1	6.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BAB	10,400	-1.89%	-1.89%	11,987	-0.315	1,044	0.9	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IPA	12,500	6.84%	0.00%	3,074	0.293	2,294	0.6	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	115,100	0.52%	-4.88%	34,530	0.252	11,734	5.2	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCH	7,600	5.56%	8.57%	2,508	0.194	531	0.9	14.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CEO	10,700	1.90%	4.90%	6,375	0.169	321	1.0	33.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

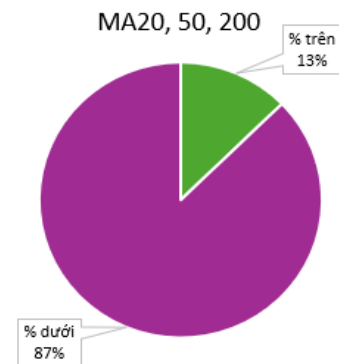
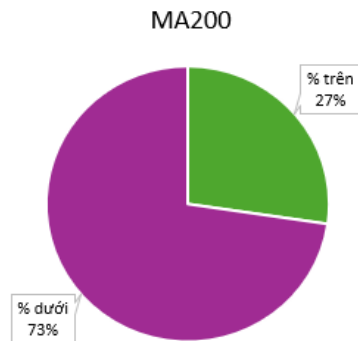
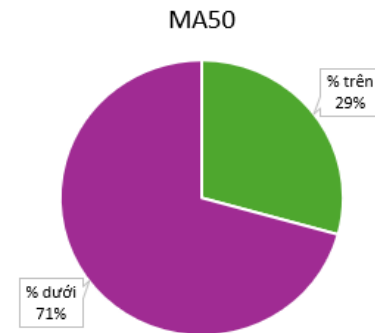
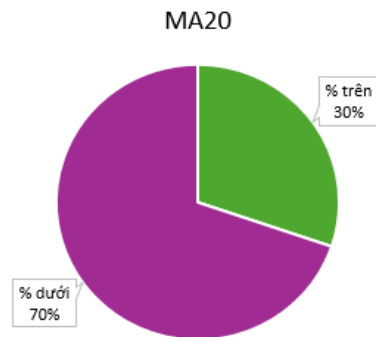
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	76,100	-1.55%	-2.19%	233,077	-0.339	4,047	6.2	18.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	61,000	-3.17%	-16.09%	73,129	-0.218	2,341	4.8	26.0	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ACV	41,300	1.47%	0.98%	147,868	0.204	3,104	2.0	13.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	64,400	2.38%	-0.92%	70,764	0.158	2,207	4.9	29.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	39,500	2.60%	5.33%	52,151	0.127	5,818	2.2	6.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	57,800	10.31%	23.77%	13,023	0.126	4,365	3.5	12.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PAP	26,500	-10.77%	-11.37%	9,461	-0.096	-1,817	2.8	-14.6	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	559,000	5.47%	5.47%	16,680	0.086	15,812	17.7	34.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VSF	26,500	3.11%	3.52%	13,061	0.038	60	5.7	438.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
QNS	50,300	2.03%	-4.91%	18,534	0.035	5,267	1.7	9.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	23,200	0.4%	351.7	352.3	17,557	23,100	1.8	7.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	18,150	0.3%	65.1	18.9	9,766	18,100	1.7	33.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	38,100	-3.1%	65.1	95.7	38,131	56,000	2.6	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVB	10,350	-0.5%	9.0	11.9	10,400	14,122	0.9	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	23,750	-0.4%	5.7	6.9	23,850	42,137	1.1	12.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	19,150	-1.0%	5.4	3.7	19,350	38,091	1.3	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	41,500	-2.0%	10.1	4.0	42,350	54,319	2.6	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	14,700	-1.0%	9.0	11.6	14,800	26,828	0.7	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			14/10/2026	13/10/2026	12/10/2026	09/10/2026	08/10/2026	07/10/2026	06/10/2026	05/10/2026
VNINDEX	MA200	Trên	22%	22%	22%	23%	23%	23%	22%	22%
		Dưới	78%	78%	78%	77%	77%	77%	78%	78%
	MA50	Trên	29%	28%	31%	30%	30%	31%	31%	31%
		Dưới	71%	72%	69%	70%	70%	69%	69%	69%
	MA20	Trên	31%	31%	36%	31%	32%	30%	28%	29%
		Dưới	69%	69%	64%	69%	68%	70%	72%	71%
VN30	MA200	Trên	20%	20%	23%	30%	30%	30%	27%	27%
		Dưới	80%	80%	77%	70%	70%	70%	73%	73%
	MA50	Trên	30%	33%	33%	40%	43%	40%	43%	43%
		Dưới	70%	67%	67%	60%	57%	60%	57%	57%
	MA20	Trên	23%	20%	27%	30%	27%	27%	23%	23%
		Dưới	77%	80%	73%	70%	73%	73%	77%	77%
HNX	MA200	Trên	26%	25%	28%	27%	27%	27%	26%	26%
		Dưới	74%	75%	72%	73%	73%	73%	74%	74%
	MA50	Trên	33%	32%	36%	35%	35%	35%	34%	33%
		Dưới	67%	68%	64%	65%	65%	65%	66%	67%
	MA20	Trên	26%	25%	28%	27%	27%	27%	26%	26%
		Dưới	74%	75%	72%	73%	73%	73%	74%	74%
UPCOM	MA200	Trên	28%	27%	29%	29%	28%	28%	28%	29%
		Dưới	72%	73%	71%	71%	72%	72%	72%	71%
	MA50	Trên	29%	28%	29%	29%	29%	30%	31%	32%
		Dưới	71%	72%	71%	71%	71%	70%	69%	68%
	MA20	Trên	31%	31%	31%	31%	31%	30%	30%	31%
		Dưới	69%	69%	69%	69%	69%	70%	70%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 10										Tháng 9									
		14 ↓	13	12	09	08	07	06	05	02	01	30	29	28	25	24	23	22	21	18	17
1	Bán lẻ	80	86	87	87	87	88	84	83	78	77	77	75	72	75	72	71	62	57	61	57
2	Hàng & Dịch vụ Cón...	66	67	68	69	68	69	65	65	63	65	66	66	64	63	60	60	57	50	54	53
3	Tài nguyên Cơ bản	62	57	60	54	55	54	53	53	47	46	46	49	45	46	46	49	49	48	49	49
4	Hóa chất	59	58	62	60	59	56	55	56	54	59	59	61	59	61	60	59	56	56	57	59
5	Hàng cá nhân & Gia ...	54	53	55	54	54	51	47	40	34	32	32	32	32	34	36	37	34	34	38	35
6	Điện, nước & xăng d...	48	49	50	49	50	49	47	51	52	57	58	57	51	49	52	54	44	43	46	40
7	Thực phẩm và đồ uố...	46	46	51	52	52	49	47	47	43	42	39	40	40	41	43	43	43	43	45	44
8	Dầu khí	44	45	54	60	59	59	61	60	57	62	59	71	61	53	56	73	73	78	76	79
9	Xây dựng và Vật liệu	43	41	43	38	37	36	33	33	31	33	37	38	34	36	36	35	32	27	31	30
10	Ngân hàng	42	40	39	36	36	38	40	40	40	43	47	48	48	53	52	55	50	51	50	54
11	Du lịch và Giải trí	31	33	37	35	35	34	37	31	38	39	41	43	43	44	44	46	47	46	45	44
12	Ô tô và phụ tùng	28	28	28	22	22	25	23	24	24	24	26	28	27	30	32	36	31	37	44	42
13	Bất động sản	24	25	25	25	24	25	25	24	23	23	25	25	27	30	29	31	34	32	37	36
14	Dịch vụ tài chính	18	17	18	15	14	16	18	22	22	21	22	24	23	29	29	30	29	28	36	32
15	Công nghệ Thông tin	11	10	10	11	14	14	15	15	18	21	25	28	29	-	41	40	39	-	-	-

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	24,350	-0.2%	4.1%	243,500	1.4	8.2	2,982	310.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	23,200	0.4%	7.3%	150,959	1.8	7.8	2,983	351.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,650	1.0%	0.0%	54,850	1.2	9.3	1,573	255.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	39,500	2.6%	5.3%	52,151	2.2	6.8	5,818	52.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	9,900	2.1%	2.1%	6,550	0.7	8.3	1,160	7.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TLG	55,500	0.5%	1.3%	5,357	2.1	11.6	4,776	21.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BFC	63,000	0.3%	6.8%	3,602	2.4	13.9	4,535	11.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TDP	30,050	-0.2%	4.3%	3,097	2.4	22.4	1,344	5.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	21,650	-0.2%	3.6%	2,285	2.1	45.0	481	5.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	18,200	2.2%	4.0%	1,125	1.6	30.4	600	7.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	33,000	0.2%	2.2%	233,846	1.3	8.6	3,829	626.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSR	64,400	2.4%	-0.9%	70,764	4.9	29.0	2,207	70.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAS	10,100	2.0%	0.0%	2,303	0.9	18.3	548	11.0	Tích cực	7.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HHP	18,150	0.3%	3.1%	1,673	1.7	33.6	541	65.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VIB	13,950	1.1%	0.4%	52,109	1.1	7.0	1,990	121.6	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NT2	23,100	0.4%	2.4%	6,650	1.3	5.3	4,359	25.6	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ANV	18,800	6.2%	7.7%	5,006	1.3	5.8	3,248	33.6	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CSV	23,400	6.8%	16.4%	2,586	1.5	9.7	2,415	25.0	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
LAS	12,000	7.1%	12.1%	1,354	0.9	14.8	812	7.8	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BVH	76,000	1.9%	0.7%	56,417	2.2	17.0	4,472	51.6	Tích cực	5.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	61,000	-5.3%	-10.3%	501,104	1.9	6.3	9,730	708.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	33,100	-0.7%	-4.1%	257,459	1.3	7.8	4,250	101.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	64,600	-1.5%	-3.3%	121,785	1.9	39.5	1,634	188.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	38,100	-3.1%	-9.3%	113,815	2.6	10.1	3,780	65.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	57,100	1.4%	-4.4%	107,675	2.7	10.7	5,324	402.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	18,900	0.0%	-3.8%	56,725	1.4	10.8	1,752	254.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	22,400	-1.5%	-3.7%	50,900	1.0	7.0	3,191	52.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	50,600	-2.7%	-12.2%	17,814	3.3	44.2	1,144	141.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	18,650	-2.9%	-1.3%	9,544	0.7	3.9	4,780	127.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	45,250	-1.2%	-8.4%	9,135	4.0	20.6	2,199	21.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSE	21,150	-0.2%	-2.3%	9,057	1.7	33.5	631	13.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	68,300	-1.0%	-2.8%	8,750	3.9	13.4	5,110	6.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	18,250	-2.4%	-5.4%	7,506	1.1	6.5	2,809	11.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	23,750	-0.4%	-4.4%	6,410	1.1	12.3	1,937	5.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTS	19,150	0.0%	-3.8%	5,213	1.8	13.8	1,385	13.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	19,150	-1.0%	-6.6%	4,460	1.3	11.3	1,692	5.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	41,500	-2.0%	-4.6%	3,980	2.6	5.6	7,381	10.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	8,690	-1.5%	-2.4%	3,754	0.4	170.1	51	5.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	14,700	-1.0%	-2.0%	1,729	0.7	7.9	1,872	9.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	56,300	0.0%	-1.6%	470,425	1.9	11.3	4,984	121.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	18,650	-2.86%	-1.32%	42,900	123.4%	4,780	0.7	3.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	13,500	0.00%	-0.37%	28,800	113.3%	1,424	0.9	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HDC	10,250	-0.49%	1.49%	21,400	107.8%	2,909	0.8	3.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	7,830	0.26%	3.71%	16,000	104.9%	(354)	0.7	-22.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	14,700	0.34%	0.34%	28,700	95.9%	2,298	0.9	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	73,500	-1.74%	-4.42%	140,000	87.2%	6,660	3.0	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
F88	57,800	10.31%	23.77%	98,000	87.0%	4,365	3.5	12.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	21,900	-0.90%	-3.31%	40,500	83.3%	1,049	1.5	20.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	27,050	-0.37%	2.46%	48,900	80.1%	3,530	1.1	7.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTB	29,750	0.51%	1.36%	52,000	75.7%	5,852	0.8	5.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DMX	76,000	0.26%	-0.65%	130,600	72.3%	5,093	3.1	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	21,200	-2.08%	-2.30%	36,800	70.0%	1,407	0.8	15.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,700	-0.72%	-1.08%	23,100	67.4%	1,976	0.7	6.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	29,550	0.51%	-0.67%	48,800	66.0%	5,172	1.2	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	18,900	-2.58%	3.28%	31,900	64.4%	1,850	1.1	10.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	57,100	1.42%	-4.36%	90,300	60.4%	5,324	2.7	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	32,600	-0.91%	-1.66%	52,100	58.4%	5,603	0.8	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	45,250	-1.20%	-8.40%	71,800	56.8%	2,199	4.0	20.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	22,400	-1.54%	-3.66%	35,600	56.5%	3,191	1.0	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,350	1.57%	1.31%	29,600	55.4%	3,230	1.2	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn